

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM
SỞ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch cải cách hành chính của Sở Xây dựng giai đoạn 2026 - 2030)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. GIAI ĐOẠN 2026 - 2027					
1	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	≥ 80	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	≥ 80	Văn phòng Sở	Phòng Kế hoạch - Tài chính, các phòng chuyên môn
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
4	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	3	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành Xây dựng phục vụ Chính phủ số được triển khai, đưa vào sử dụng thống nhất theo đúng lộ trình, kế hoạch	%	100	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
6	Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết đúng hạn	%	≥ 95	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	≥ 90	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
8	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
9	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	%	$\geq 50\%$ (năm 2026)	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
10	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	90%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
II. GIAI ĐOẠN 2028 - 2030					
1	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	≥ 95	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
2	Mức độ hài lòng đối với giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng	%	≥ 90	Các phòng chuyên môn	Văn phòng Sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	≥ 90	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
5	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	90	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn
6	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	4	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị
7	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn theo quy định	%	100	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị
8	Xếp hạng về các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, DTI, PII	Thứ hạng	PAR Index, SIPAS, DTI thuộc nhóm 5 các sở, ban, ngành; PAPI, PCI, PII được duy trì, cải thiện bền vững	Văn phòng Sở (PAR Index, SIPAS, PAPI, DTI); Phòng Kế hoạch - Tài chính (PCI); Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị (PII)	Các phòng, đơn vị
9	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của Sở Xây dựng (Chỉ số SIPAS)	%	≥ 95	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị